

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA MARKETING



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN
LÝ CHUỖI CUNG ỨNG
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
MÃ SỐ: 7510605**

Hà Nội, năm 2022

GIỚI THIỆU CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Thương mại

Trường Đại học Thương mại (tên tiếng Anh: *Thuongmai University*, viết tắt là TMU) được thành lập năm 1960 với tên gọi là Trường cán bộ Thương nghiệp Trung ương. Năm 1965, trường được giao nhiệm vụ đào tạo đại học. Năm 1974, Trường được đổi tên thành Trường đại học Thương nghiệp, từ năm 1984 trường trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 1994 Trường đổi tên thành Trường Đại học Thương mại.

Trường Đại học Thương mại có cơ sở chính đóng tại số 79 đường Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và cơ sở Hà Nam đóng tại 157 Lý Thường Kiệt, Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam, với tổng diện tích 8,37 ha. Trường là một trong những đại học được đánh giá có cơ sở vật chất hiện đại, cảnh quan và khuôn viên đẹp, thân thiện với môi trường.

Trường Đại học Thương mại có sứ mạng xây dựng và phát triển thành trường đại học đa ngành tiên tiến trong các lĩnh vực kinh tế và thương mại của Việt Nam, có uy tín trong khu vực và trên thế giới; một trung tâm giáo dục có chất lượng và không ngừng được cải tiến với phương pháp đào tạo liên tục được đổi mới và hoàn thiện; một cơ sở nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và cung ứng dịch vụ đào tạo có uy tín về thương mại, du lịch, dịch vụ và hội nhập kinh tế quốc tế; một trung tâm văn hoá nhằm cung cấp cho xã hội những cán bộ có trình độ đại học, sau đại học đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, văn hoá và năng lực nghề nghiệp thích ứng với điều kiện môi trường đang thay đổi và đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Hiện nay, trường đang đào tạo trình độ đại học 26 ngành học với 19 chuyên ngành, đào tạo sau đại học ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ gồm 8 chuyên ngành thạc sĩ và 5 chuyên ngành tiến sĩ.

Ngoài ra, Nhà trường còn có các chương trình đào tạo liên kết quốc tế cấp bằng cử nhân thực hành và đào tạo liên thông lên thạc sĩ với các trường đại học lớn của Canada, Pháp, Áo, Trung Quốc, Đài Loan,... với tổng cộng 6 chuyên ngành trình độ đại học và 5 chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

- **Đội ngũ giảng viên**

Trường Đại học Thương mại hiện có tổng số công chức, viên chức là 660 người, trong đó có 435 giảng viên cơ hữu (chiếm tỷ lệ 65,9%), giảng viên có chức danh GS, PGS là 49/435 người (chiếm tỷ lệ 11,3%), trình độ tiến sĩ 118/435 người (chiếm tỷ lệ 27,1%), trình độ thạc sĩ 317/435 người (chiếm 72,9%).

Ngoài ra Trường còn ký hợp đồng thỉnh giảng với 72 giáo sư, phó giáo sư nước ngoài, thường xuyên đến giảng dạy trực tiếp cho các chương trình liên kết quốc tế đào tạo đại học, sau đại học của Trường.

*** Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo**

Với quy mô đào tạo hiện nay, Trường Đại học Thương mại đáp ứng tốt về nhu cầu cơ sở vật chất, phòng học, phòng máy tính cho người học thuộc các hệ đào tạo của Nhà trường. Tổng diện tích đất của toàn trường là 8,370ha. Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo là 37.528m².

Tổng số phòng học trong toàn trường: 179 phòng với tổng diện tích là 44.445m². Trong đó có 131 phòng học với tổng diện tích 37.528m², 43 phòng thực hành diện tích 4.722m², 05 hội trường diện tích 2.195m². Tổng số sinh viên của nhà trường khoảng 16.000 sinh viên, như vậy đảm bảo 2,77m²/1sinh viên.

Trường cũng có các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, trong đó có nhiều phòng có thể thi trắc nghiệm trên máy tính với diện tích 54 m²/phòng, bố trí 30 máy tính/phòng. Phòng máy tính thực hành tin học rộng 60m²/phòng để thực hành tin học và thi trên máy tính của sinh viên.

Đại học Thương Mại nổi tiếng với khuôn viên đẹp và trang thiết bị hiện đại, năm 2022 nhà trường đã khánh thành toà nhà hành chính và toà thư viện hiện đại.

Số lượng các trang thiết bị của nhà trường tăng lên qua các năm. Số lượng máy tính tăng từ 546 máy năm 2014 lên 555 máy năm 2015 và 671 máy năm 2016, đến nay các máy tính đã được thay thế và mua mới gần như toàn bộ. Số lượng một số trang thiết bị chủ yếu khác gồm: 98 máy chiếu, 202 máy in, 7 máy photocopy. Tất cả các phòng học của Nhà trường đều đã được trang bị máy chiếu, điều hòa, hệ thống quạt trần, đèn chiếu sáng đảm bảo phục vụ hoạt động dạy và học

Trường đã ứng dụng các phần mềm cho các hoạt động dạy, học, NCKH và quản lý như hệ thống các cổng thông tin điện tử (31 sites thông tin, 12 sites quản lý), phần mềm thi trắc nghiệm, hệ thống phần mềm đào tạo tín chỉ cho các hệ đào tạo, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý khoa học, các phần mềm mã mở cài đặt cho máy tính (open office, trình duyệt, winzip, foxit...). Trường đã triển khai, lắp đặt và sử dụng 05 đường truyền internet tốc độ cao. Nhà trường cũng lắp đặt 82 wifi tại tất cả các đơn vị và phòng đọc thư viện, nối mạng đến toàn bộ các máy tính.

Trường có hệ thống tư liệu và thư viện điện tử hiện đại với 60.000 bản sách và 160 loại báo, tạp chí trong và ngoài nước; trong đó 80% số đầu sách, báo, tạp chí gắn với chuyên

ngành đào tạo.

*** Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo**

Trường Đại học Thương mại phát triển thêm ngành đào tạo Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng trên cơ sở vận dụng những thành công và kinh nghiệm trong thực tiễn. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, chúng tôi đã và tham khảo các chương trình đào tạo của nước ngoài cũng như các trường đại học đã có kinh nghiệm trong việc đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng như Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Học viện Tài chính, Đại học Đà Nẵng, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Chương trình đào tạo được thiết kế với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa của chương trình là 120 tín chỉ (không bao gồm 11 tín chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất); trong đó kiến thức giáo dục đại cương là 40 tín chỉ; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 91 tín chỉ gồm 30 tín chỉ kiến thức cơ sở ngành, 39 tín chỉ kiến thức ngành, 12 tín chỉ kiến thức bổ trợ; thực tập và làm tốt nghiệp 10 tín chỉ. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hệ thống đào tạo tín chỉ, bên cạnh các học phần bắt buộc có nhiều học phần tự chọn giúp người học chủ động trong việc học, tạo ra sự linh hoạt và liên thông theo cả chiều ngang và chiều dọc để người học có nhiều cơ hội lựa chọn và phát triển sự nghiệp tương lai.

*** Đối tượng, điều kiện, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh**

Đối tượng tham gia chương trình đào tạo cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng hệ chính quy là học sinh đã tốt nghiệp PTTH và thỏa mãn các điều kiện tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: Trường tuyển sinh đại học chính quy ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng dựa theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Thương mại.

PHẦN 1: MÔ TẢ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng ... năm 2022

của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng Logistics and Supply Chain Management
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng
Mã ngành:	7510605
Chuyên ngành đào tạo:	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân đại học ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng nhằm đào tạo ra những người có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế và quản trị kinh doanh, nắm vững kiến thức và kỹ năng của ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hành các kiến thức, có kỹ năng tham gia hoạch định chiến lược, quy hoạch, quản lý các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh phát triển của môi trường số.

Người học tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh logistics và chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp có hoạt động logistics phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước các cấp liên quan đến lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng nhằm mục tiêu cụ thể là đào tạo người học có được các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

- Về kiến thức: Đạt chuẩn kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; nền kiến thức đủ rộng và bao quát về lĩnh vực kinh tế và kinh doanh; kiến thức căn bản, cập nhật về quản trị kinh doanh và chuyên sâu về ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

- Về kỹ năng: Có kỹ năng tham gia hoạch định chiến lược, chính sách và xây dựng kế hoạch về logistics và quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp/tổ chức, ngành, địa phương; Có kỹ năng tổ chức triển khai và phát triển, quản trị các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng (trên cấp độ kế hoạch chiến lược, kế hoạch chiến thuật và tác nghiệp) và một số lĩnh vực hoạt động có liên quan trực tiếp

(marketing, phân phối, quản lý chất lượng) của doanh nghiệp/tổ chức;

- Về mức độ tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự học tập suốt đời, năng lực cập nhật kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực thích ứng, cải tiến, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có ý thức vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập, trong thực hiện các nhiệm vụ, có tinh thần khởi nghiệp, chấp hành nghiêm kỷ luật và tham gia các hoạt động tập thể của doanh nghiệp/tổ chức.

Người học tốt nghiệp có thể học phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh và học tập các bậc học cao hơn về logistics và chuỗi cung ứng, kinh doanh, thương mại, quản lý, quản trị trong và ngoài nước.

Người học tốt nghiệp có thể học ở các bậc học cao hơn về hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng, kinh doanh và thương mại trong và ngoài nước.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Người học tốt nghiệp ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng đạt chuẩn vận dụng các kiến thức. Đạt chuẩn kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vận dụng kiến thức nền (đủ rộng và bao quát) về khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh và cơ sở ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng: kinh tế, quản trị/ quản lý, kinh doanh logistics và chuỗi cung ứng, cụ thể:

(PLO1): Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật; Nắm vững kiến thức nguyên lý quy luật tự nhiên xã hội, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội vào lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng;

(PLO2): Vận dụng kiến thức căn bản, cập nhật và phát triển về kiến thức chuyên sâu (lý luận và thực tiễn) của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng: mua và quản lý nguồn cung, quản lý kho và trung tâm phân phối, quản lý logistics trong thương mại điện tử, quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa.

2.2. Kỹ năng

Người học tốt nghiệp đạt chuẩn biết thực hiện các kỹ năng của ngành và *chuyên ngành* Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng:

(PLO3): Biết thực hiện các kỹ năng phân tích, nhận dạng, đánh giá được các vấn đề của logistics và quản lý chuỗi cung ứng của ngành/địa phương, tổ chức/doanh nghiệp; Tham gia phân tích, nhận dạng được vấn đề của chương trình và kế hoạch (chiến lược, chiến thuật, tác nghiệp) logistics và quản lý chuỗi cung ứng của sản phẩm/ nhóm sản phẩm, của doanh nghiệp/ tổ chức;

(PLO4): Biết thực hiện các kỹ năng tham gia hoạch định, triển khai, phát triển, quản trị hoạt động có liên quan thị trường và khách hàng sản phẩm dịch vụ (như marketing, quản trị chất

lượng, thương hiệu, kinh doanh quốc tế...) của doanh nghiệp/ tổ chức;

(PLO5): Biết thực hiện các kỹ năng phân tích, lập chương trình và kế hoạch, đánh giá hoạt động logistics và từng thành tố của hoạt động logistics của doanh nghiệp/ tổ chức: quản lý các đơn hàng; kho bãi, tồn kho, giao nhận, vận tải; logistics trong thương mại điện tử của doanh nghiệp/ tổ chức;

(PLO6): Biết thực hiện các kỹ năng tham gia lập kế hoạch và triển khai hoạt động quản lý nguồn cung của doanh nghiệp/ tổ chức: hoạt động mua hàng, quản lý nguồn cung của doanh nghiệp/ tổ chức;

(PLO7): Biết thực hiện các kỹ năng tổ chức và quản lý, thực hiện theo nhiệm vụ được phân công; làm việc theo nhóm; lập báo cáo, trình diễn vấn đề; kỹ năng giao tiếp và truyền thông tốt;

(PLO12): Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với người học trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại;

(PLO13): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với người học trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020.

2.3. Thái độ

Người học tốt nghiệp làm chủ được năng lực tự chủ và có trách nhiệm và thái độ như sau:

(PLO8): Có năng lực phân tích, đánh giá, điều phối và đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình;

(PLO9): Có năng lực tự học tập, tích lũy và cập nhật về kiến thức và kinh nghiệm; Có năng lực sáng tạo, có năng lực tự định hướng, và thích nghi với môi trường làm việc khác nhau;

(PLO10): Có ý thức vượt khó, phấn đấu vươn lên trong thực hiện các nhiệm vụ, có tinh thần khởi nghiệp,

(PLO11): Có ý thức và thực hiện nghiêm chỉnh chấp hành nghiêm kỷ luật và tích cực tham gia các hoạt động tập thể của doanh nghiệp/tổ chức;

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

131 tín chỉ, trong đó gồm: 120 tín chỉ đào tạo kiến thức và kỹ năng.

11 tín chỉ giáo dục thể chất và quốc phòng;

4. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp THPT và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để người học tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho người học đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của người học;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của người học.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho người học.

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho người học

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của người học;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học;

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

6. Chiến lược giảng dạy, học tập

Nhiều hoạt động giảng dạy và học tập khác nhau đã được áp dụng để tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội thực hành các kiến thức đã học và đảm bảo đạt được các mục tiêu và PLO.

Sự đa dạng của các phương pháp giảng dạy được thể hiện qua bảng sau:

Bảng ma trận chuẩn đầu ra (ELOS) và phương pháp dạy và học:

No	Code	Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLM)		ELOS													
		Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
1	TLM1	Chiến lược giảng dạy	Giải thích cụ thể	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	TLM2		Thuyết giảng	X			X	X	X	X	X	X					X
3	TLM3		Tham luận									X					

4	TLM17	trực tiếp	Hội thảo / Hướng dẫn			X					X	X		X		
5	TLM4	Chiến lược kỹ năng tư duy	Giải quyết vấn đề			X	X	X		X		X	X	X	X	
6	TLM5		Tập kích não (Brainstorm ing)	X						X						
7	TLM6		Nghiên cứu tình huống	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	
8	TLM7		Chiến lược	Đóng vai		X	X									
9	TLM18	dựa trên nghệ thuật	Biểu diễn					X		X			X			
10	TLM8	Chiến lược dạy học dựa trên hoạt động	Trò chơi	X	X	X		X							X	
11	TLM9		Thực tế	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
12	TLM10		Tranh luận	X	X	X										
13	TLM19		Mô phỏng										X	X		
14	TLM11		Thảo luận	X	X			X	X	X		X	X	X		
15	TLM12		Thực hành nhóm	X				X	X	X			X	X		

16	TLM13	Chiến lược hợp tác	Câu hỏi gợi mở		X	X	X									
17	TLM20		Jigsaw		X	X		X								X
18	TLM14	Chiến lược học tập độc lập – tự học	Dự án nghiên cứu / Nghiên cứu độc lập		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
19	TLM16		Đánh giá bài tập				X	X	X	X		X	X	X		
20	TLM15	Ứng dụng dựa trên công nghệ / phương tiện truyền thông	Phương pháp dựa trên công nghệ			X		X	X	X				X	X	

7. Chiến lược và các phương pháp đánh giá

Tại Khoa Marketing, đánh giá của sinh viên về quá trình học tập được dựa trên Quy chế đào tạo theo tín chỉ của MOET và Quy định TMU về đánh giá khóa học. Theo các quy định này, kết quả của sinh viên không chỉ được đánh giá liên tục trong suốt học kỳ mà còn được đánh giá qua năm học và toàn bộ chương trình. Trong mỗi khóa học, lớp học sinh viên được tính từ đánh giá liên tục và đánh giá tổng kết. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục. Các yêu cầu và tiêu chí cụ thể được thiết kế và xuất bản bởi Khoa Marketing để tạo hiểu biết cho sinh viên trước khi học.

Khoa Marketing đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá học sinh này được thiết kế để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của học sinh mà còn tập trung vào đánh giá thái độ và kỹ năng được thể hiện rõ ràng trong ELOs Các đánh giá phù hợp được lựa chọn tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp giảng dạy và yêu cầu kết quả học tập trong mỗi khóa học. Các đánh giá đảm bảo thông tin đầy đủ để đánh giá sự phát triển của học sinh và quá trình học tập cũng như hiệu quả của quá trình giảng dạy.

Từ năm 2017, FOM đã phát triển một hệ thống phiếu tự đánh giá (rubric) chung để đánh giá tốt hơn mức độ thành tích cho từng ELO của chương trình (đặc biệt là ELO chung). Các phương pháp và các công cụ đánh giá được xây dựng tương ứng và tương thích chặt chẽ với ELO. Các công cụ đánh giá, đặc biệt là phiếu tự đánh giá đã được sử dụng trong hầu hết các khóa học để đo lường mức độ đạt được của CLO trong mỗi khóa học, khi CLO được thiết kế để phản ánh rõ ràng các ELO của chương trình. Ngoài việc triển khai hệ thống hóa hệ thống phiếu tự đánh

giá chung để đo lường kết quả và kỹ năng khóa học của sinh viên, FOM cũng đã xây dựng ngân hàng đề thi (NHĐT) cho các khóa học, trong đó cấu trúc ngân hàng kiểm tra (định dạng kiểm tra cuối kỳ) chỉ ra cụ thể số lượng câu hỏi, mức độ khó của từng câu hỏi và tỷ lệ của từng câu hỏi trong bài kiểm tra, cũng như các liên kết giữa nội dung đánh giá với CLOs.

ELO	AM	Công cụ
ELO1	Bài kiểm tra trắc nghiệm / Thi tự	Ngân hàng câu hỏi thi / đề thi cuối kỳ/

	luận	đáp án đề thi
ELO2	Đánh giá làm việc theo nhóm	Rubric đánh giá làm việc theo nhóm
ELO3	Báo cáo tốt nghiệp / Luận văn	Rubric Báo cáo tốt nghiệp
ELO4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình
ELO5	Thuyết trình / Nhật ký và blog / Khóa luận tốt nghiệp / Báo cáo tốt nghiệp	Rubric thuyết trình (FOM) / Rubric Khóa luận/ Báo cáo tốt nghiệp
ELO6	Đánh giá bài tập / Thuyết trình / Kiểm tra hiệu quả công việc	Rubric đánh giá bài tập / Ngân hàng đề thi
ELO7	Kiểm tra hiệu quả công việc / thuyết trình	Rubric đánh giá hiệu quả công việc/ rubric thuyết trình
ELO8	Đánh giá bài tập / Thi vấn đáp / Thuyết trình / Thi tự luận	Rubric đánh gia bài tập / Ngân hàng đề thi
ELO9	Thuyết trình / Viết Báo cáo / Thi tự luận / Trò chơi mô phỏng	Ngân hàng đề thi / Rubric báo cáo / Rubric thuyết trình
ELO10	Viết Báo cáo/ Trò chơi mô phỏng / Thi vấn đáp	Rubric lập kế hoạch / Rubric thuyết trình
ELO11	Viết báo cáo / Nhật ký và blog / Kiểm tra hiệu quả công việc / Bảo vệ và thi vấn đáp	Rubric Báo cáo / Phiếu đánh giá hiệu quả công việc / Rubric thi vấn đáp (Ngân hàng đề thi)
ELO12	Kiểm tra chuyên cần / đánh giá bài tập / Nhật ký và blog / Viết báo cáo / Bảo vệ và thi vấn đáp / Luận văn / báo cáo tốt nghiệp	Rubric đánh giá chuyên cần / Rubric đánh giá đạo đức / Rubric Luận văn/ báo cáo tốt nghiệp

8. Cách thức đánh giá: Thang điểm 10, thang điểm 4 kết hợp với thang điểm chữ.

TMU sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.
- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.
- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của sinh viên.

Bảng hệ thống thang điểm của TMU

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Giỏi	8,5 ÷ 10	A	4
	Khá	7,0 ÷ 8,4	B	3
	Trung bình	5,5 ÷ 6,9	C	2
Không đạt	Trung bình yếu	4,0 ÷ 5,4	D	1
	Kém	< 4,0	F	0

PHẦN II: MÔ TẢ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Nội dung chương trình đào tạo: 131 Tín chỉ

1.1. Khung chương trình đào tạo

STT	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN	Mã học phần	SỐ TC	Cấu trúc học phần
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		40 TC	
1.1.	Giáo dục đại cương		29	
1.1.1	Các học phần bắt buộc		27	
1	Triết học Mác - Lênin	MLNP0221	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCM10121	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM10111	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	RLCP1211	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCM10131	2	24,12
6	Pháp luật đại cương	TLAW0111	2	24,12
7	Tiếng Anh 1	ENTH1411	2	24,12
8	Tiếng Anh 2	ENTH1511	2	24,12
9	Tiếng Anh 3	ENTH1611	2	24,12
10	Toán đại cương	AMAT1011	2	24,12
11	Tin học quản lý	INFO0311	3	36,18
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0111	2	24,12
1.1.2	Các học phần tự chọn		2	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>			
1	Khoa học hàng hoá	ITOM1612	2	24,12
2	Chuyên đổi số trong kinh doanh	PCOM1111	2	24,12
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	RLCP0221	2	24,12

1.2	Giáo dục thể chất		3	
1.2.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		1	
	Giáo dục thể chất chung	GDTC1611	1	
1.2.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		2	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>			
1	Bóng ném	GDTC0721	1	
2	Bóng chuyền	GDTC0621	1	
3	Cầu lông	GDTC0521	1	
4	Bóng bàn	GDTC1621	1	
5	Cờ vua	GDTC1721	1	
6	Bóng rổ	GDTC0821	1	
1.3	Giáo dục quốc phòng		8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		90 TC	
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành		30	
2.1.1.	<i>Các học phần bắt buộc</i>		19	
1	Kinh tế vĩ mô 1	MAEC0111	3	36,18
2	Kinh tế vi mô 1	MIEC0111	3	36,18
3	Quản trị học	BMGM0111	3	36,18
4	Marketing căn bản	BMKT0111	3	36,18
5	Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	BLOG3011	3	36,18
6	Tiếng Anh Thương mại 1	ENTI3311	2	24,12

7	Tiếng Anh Thương mại 2	ENTI3411	2	24,12
2.1.2.	Các học phần tự chọn		11	
	<i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>			
1	Kinh tế lượng	AMAT0411	3	36,18
2	Nguyên lý thống kê	ANST0211	3	36,18
3	Quản trị tri thức	QMGM0811	3	36,18
4	Nguyên lý quản lý kinh tế	TECO2031	3	36,18
5	Nguyên lý kế toán	FACC 0111	3	36,18
6	Nhập môn tài chính tiền tệ	EFIN2811	3	36,18
7	Khởi sự kinh doanh	CEMG4111	2	24,12
8	Phân phối trong chuỗi cung ứng toàn cầu	BLOG3411	2	24,12
9	Quản trị thương hiệu điện tử	BRMG2311	2	24,12
2.2.	Kiến thức ngành và chuyên ngành		39	
2.2.1.	Các học phần bắt buộc		27	
	<i>Kiến thức ngành</i>		<i>15</i>	
1	Marketing B2B	MAGM0721	3	36,18
2	Quản trị chất lượng	QMGM0911	3	36,18
3	Quản trị chiến lược	SMGM0111	3	36,18
4	Quản trị chuỗi cung ứng	BLOG2011	3	36,18
5	Quản trị logistics kinh doanh	BLOG1511	3	36,18
	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>		<i>12</i>	
1	Mua và quản trị nguồn cung	BLOG3041	3	36,18

2	Logistics trong thương mại điện tử *	BLOG3221	3	34,12,5
3	Quản lý kho và trung tâm phân phối*	BLOG3121	3	34,12,5
4	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế	ITOM1511	3	36,18
2.2.2.	Các học phần tự chọn		12	36,18
	<i>Chọn 12 TC trong các HP sau:</i>			36,18
1	Quản trị công nghệ	QMGM0721	3	36,18
2	Logistics quốc tế	BLOG3051	3	36,18
3	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	ITOM 0511	3	36,18
4	Luật thương mại quốc tế	PLAW3111	3	36,18
5	Marketing quốc tế	MAGM0211	3	36,18
6	Nghiệp vụ hải quan	ITOM1721	3	36,18
7	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	BKSC2411	3	36,18
8	Quản trị PR	MAGM0611	3	36,18
2.3.	Kiến thức bổ trợ		12	
2.3.1.	Các học phần bắt buộc		6	
1	Quản trị thương hiệu 1	BRMG2011	3	36,18
2	Thương mại điện tử căn bản	PCOM0111	3	36,18
2.3.2.	Các học phần tự chọn		6	
	<i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>			
1	Chiến lược thương hiệu	BRMG0511	3	36,18
2	Quản trị nhân lực căn bản	CEMG0111	3	36,18
3	Quản lý nhà nước về thương mại	TECO1011	3	36,18

5	Hệ thống thông tin quản lý	ECIT0311	3	36,18
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học		10	
	Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp	REPC1511	3	0,90
	Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	LVVC1911	7	0,210

KHỐI THỨC VÀ KIẾN THỨC PHÂN	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12 - Tiếng Anh	PLO13 - Tin học
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		I: giới thiệu			R: củng cố			M: master		A: đánh giá			
Các học phần bắt buộc													
<i>Kiến thức đại cương bắt buộc</i>													
Triết học Mác - Lênin	R, A*	I						I	I	I	I		I
Chủ nghĩa xã hội khoa học	R, A*	I						I	I	I	I		I
Tư tưởng Hồ Chí Minh	R, A*	i						I	I	I	I		I
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	R, A*	I						I	I	I	I		I
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	R, A*	I						I	I	I	I		I
Pháp luật đại cương	R, A*	I						I	I	I	I		I
Tiếng Anh 1								I	I	I	I	I	I
Tiếng Anh 2												R	
Tiếng Anh 3												R	
Toán đại cương	I	I											
Tin học quản lý								I	I	I	I		R
Phương pháp nghiên cứu khoa học			I										
Các học phần tự chọn													
<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12 - Tiếng Anh	PLO13 - Tin học

Quản trị học		R					I						
Marketing căn bản		M, A	R, A	I	I		R	I	I	R	R		R
Thương mại điện tử căn bản			I			I	R	R	R	R	R		I
Tiếng Anh chuyên ngành 1							R					M	
Tiếng Anh chuyên ngành 2							R					M	
Các học phần tự chọn													
<i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>													
Quản trị chiến lược		R		I			R	R	R	R	R		R
Luật kinh tế 1		R					R	R	R	R	R		R
Nguyên lý tài chính – tiền tệ		R					R	R	R	R	R		R
Quản trị công nghệ		R					R	R	R	R	R		R
Kinh tế lượng		R					R	R	R	R	R		R
Quản trị dịch vụ		R					R	I	R	R	R		R
Khởi sự kinh doanh		R					R	I	M	R	R		R
Quản trị thương hiệu điện tử		R					R	I	R	R	R		R
Tuyển dụng nhân lực		R					R	I	R	R	R		R
Kiến thức ngành và chuyên ngành	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
Các học phần bắt buộc		1	2	3	4	5	6	9	10	11	12		7
<i>Kiến thức ngành</i>													
Hành vi khách hàng		R	M				M	R, A	R, A	R	R		R
Nghiên cứu marketing		R	M, A				M, A	R	R	R	R		R
Quản trị marketing 1		R	R	M, A	R		M	I	R	R	R		R
Quản trị chất lượng		M, A	R				M	I	R	R	R, A		R
Truyền thông marketing*		R	R		R, A	R	M, A	R	R	R	R		R

Quản trị chiến lược toàn cầu			M	M				R		R	R	R		R
Nguyên lý kế toán		R						R		R	R	R		R
Quản trị nhân lực căn bản		R						R		R	R	R		R
Quản trị tri thức		R						R		R	R	R		R
Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học														
Thực tập và viết Báo cáo tốt nghiệp		M	M, A	M, A	M, A	M	M	M	M	M, A	M	M, A		M
Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp		M, A	M	M, A	M	M, A	M	M	M	M, A	M, A	M		M

Giáo dục quốc phòng và an ninh													
Giáo dục thể chất													
<i>Các học phần bắt buộc</i>													
Giáo dục thể chất chung											I		
<i>Các học phần tự chọn</i>													
<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>													
Bóng ném											R		
Bóng chuyền											R		
Cầu lông											R		
Bóng bàn											R		
Cờ vua											R		
Bóng rổ											R		
Giáo dục quốc phòng và an ninh											R		
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP													
Kiến thức cơ sở ngành													
<i>Các học phần bắt buộc</i>													
Kinh tế vĩ mô 1	R												
Kinh tế vi mô 1	R												
Quản trị học	R		I	I			I						
Marketing căn bản	R, A	R,A	I	I			R	I	I	R, A	R		R
Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	I	I	I		I	I	R	R	R	R	R		I
Tiếng Anh chuyên ngành 1							R					M	
Tiếng Anh chuyên ngành 2							R					M	
<i>Các học phần tự chọn</i>													
<i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
Kinh tế lượng	R						R	R	R	R	R		R

Nguyên lý thống kê	R						R	R	R	R	R		R
Quản trị tri thức	R						R	R	R	R	R		R
Hành vi tổ chức	R						R	R	R	R	R		R
Nguyên lý quản lý kinh tế	R						R	R	R	R	R		R
Nguyên lý kế toán	R						R	I	R	R	R		R
Nhập môn tài chính – tiền tệ	R						R	R	R	R	R		R
Khởi sự kinh doanh	R						R	I	M	R	R		R
Văn hóa kinh doanh	R						R	I	R	R	R		R
Quản trị thương hiệu điện tử	R						R	I	R	R	R		R
Kiến thức ngành và chuyên ngành													
<i>Các học phần bắt buộc</i>													
<i>Kiến thức ngành</i>													
Marketing B2B	M			M,A			M	R	R, A	R	R		R
Quản trị chất lượng	M			M, A			M	R	R	R	R, A		R
Quản trị chiến lược	M			M, A			M	R	R	R	R, A		R
Quản trị chuỗi cung ứng	R, A	R, A	R, A	R	R	R	M	R	R	R	R		R
Quản trị kênh phân phối	M	M	M	M			M	R	R	R	R		R
Quản trị logistics kinh doanh	R, A	R, A	R, A	R	R	R	M	R	R	R	R		R
<i>Kiến thức chuyên ngành</i>													
Mua và quản trị nguồn cung	M	M		M	M	M,A	M, A	M	M	M	M		M
Logistics trong thương mại điện tử *	M	M		M	M, A	M	M	M, A	M	M	M		M
Quản lý kho và trung tâm phân phối *	M	M		M	M, A	M, A	M	M	M	M	M		M
Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế	M	M		M	M, A	M	M, A	M, A	M	M	M		M
<i>Các học phần tự chọn</i>													
<i>Chọn 12 TC trong các HP sau:</i>	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
Quản trị công nghệ	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M		M
Logistics quốc tế		M	M	M	M		M	M	M	M	M		M

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế					R		M	M	M	M	M		M
Luật thương mại quốc tế					M		M	M	M	M	M		M
Marketing quốc tế	R	M		R	R		M	M	M	M	M		M
Nghiệp vụ hải quan	R	R	R	R	R		M	M	M	M	M		M
Kiến thức bổ trợ													
Các học phần bắt buộc													
Quản trị thương hiệu 1	R	R					R		R, A	R, A	R		R
Thương mại điện tử căn bản	R			R	R		M	M	R	R	R, A		R
Các học phần tự chọn													
<i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>													
Chiến lược thương hiệu		M	M				R		R	R	R		R
Quản trị nhân lực căn bản	R						R		R	R	R		R
Quản lý nhà nước về thương mại													
Quản trị PR													
Hệ thống thông tin quản lý	R						R		R	R	R		R
Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	R						R		R	R	R		R
Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học													
Thực tập và viết Báo cáo tốt nghiệp	M	M, A	M, A	M	M, A	M, A	M	M	M	M	M		M
Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	M, A	M	M, A	M	M, A	M	M	M	M, A	M	M		M

1.2. Mô tả chương trình giảng dạy

1.2.1. Cấu trúc

Chương trình giảng dạy được chia thành 3 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ tương ứng trong mỗi khối được cho trong bảng 2.1

Bảng cấu trúc chương trình

STT	Thành phần	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức đại cương	44	2
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	15	9
3	Khối kiến thức chuyên ngành	30	9
4	Khối kiến thức bổ trợ	6	6
5	Khóa luận tốt nghiệp	10	0
	Tổng	105	26

Khối kiến thức đại cương bao gồm 44 tín chỉ các môn học chính trị, tư tưởng, luật và lý thuyết cơ bản về kinh tế và quản lý nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội; cùng với 11 tín chỉ tiếng Anh tổng quát

Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 30 tín chỉ bao gồm các học phần nghiên cứu liên quan đến cơ sở ngành của như Kinh tế vi mô, Nhập môn Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị kênh phân phối,...

Khối kiến thức ngành (Bắt buộc): gồm 39 tín chỉ bao gồm các khóa học chuyên ngành về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng như Quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị Logistics trong kinh doanh,... để phục vụ định hướng nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Khối kiến thức ngành (Tự chọn): 12 tín chỉ liên quan đến việc phát triển kiến thức và kỹ năng chuyên môn như Quản trị tác nghiệp TMQT, Nghiệp vụ hải quan,....

Khóa luận tốt nghiệp: (10 tín chỉ) là khóa luận tốt nghiệp quan trọng nhất của chương trình Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và thể hiện rõ ràng mức độ mà sinh viên đạt được hầu hết các ELO của chương trình. Để có đủ điều kiện tốt nghiệp, sinh viên phải nộp khóa luận tốt nghiệp bên cạnh việc hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc (bao gồm cả khóa học Phương pháp nghiên cứu) trong chương trình. Sinh viên được yêu cầu thực hiện thực tập dưới sự giám sát của một người phụ trách tại đơn vị thực tập và một giáo viên hướng dẫn trong vòng 14 tuần. Sau đó, sinh viên có 2 tuần cuối cùng để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp. Hội đồng đánh giá theo các tiêu chí chỉ định.

Các khối kiến thức được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 3

Bảng ma trận giữa các khối kiến thức và ELOs

TT	Thành phần	Số tín chỉ		ELOs												
		Số	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Khối kiến thức đại cương	46	35	x	x	x	x	x	x							
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	24	18	x		x	x		x							x
3	Khối kiến thức chuyên ngành	51	39		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Khóa luận tốt nghiệp	10	8		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	Tổng cộng	131	100													

1.2. Mô tả học phần (Đề cương mẫu 4 được đính kèm)

2. Các nội dung đạt được từng học phần trong chương trình
CHIẾN LƯỢC DẠY VÀ HỌC

Chiến lược dạy và học	Code	Phương pháp dạy và học	Mô tả
Chiến lược chỉ dẫn trực tiếp	TLM1	Giải thích cụ thể	Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên giải thích và hướng dẫn chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu về cả kiến thức và kỹ năng.
	TLM2	Thuyết giảng	Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.
	TLM3	Tham luận	Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học, trong đó người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những chuyên gia đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giả, giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chương trình đào tạo.
		Hội thảo / Hướng dẫn	Hội thảo hoặc hướng dẫn là một phương pháp hướng dẫn tập hợp một nhóm nhỏ sinh viên để thảo luận về các chủ đề quan tâm hoặc kiểm tra các lĩnh vực chuyên sâu hơn dưới sự chỉ đạo của giáo viên hoặc trưởng nhóm thảo luận. Các hội thảo cung cấp cơ

	TLM17		<p>hội cho sinh viên đảm nhận vai trò lãnh đạo trong việc dẫn dắt cuộc thảo luận trong một nhóm nhỏ. Hướng dẫn là cơ hội định hướng để thảo luận về các dự án độc lập, để khắc phục và cho người học nâng cao để khám phá các chủ đề phức tạp hơn. Trách nhiệm cho các cuộc thảo luận và phân tích được trao cho các sinh viên, cho phép họ học hỏi lẫn nhau và do đó đảm bảo thảo luận có ý nghĩa và tương tác nhóm.</p>
Chiến lược tư duy kỹ năng	TLM4	Giải quyết vấn đề	<p>Giải quyết vấn đề là một quá trình trong đó sinh viên áp dụng tư duy phê phán và logic để nhận thức và giải quyết khoảng cách giữa tình huống hiện tại và mục tiêu mong muốn. Trong tiến trình dạy và học, sinh viên làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với những vấn đề đó. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.</p>
	TLM5	Tập kích não	<p>Phương pháp này thông qua làm việc nhóm để tìm ra giải pháp, ý tưởng xoay quanh một chủ đề. Mỗi thành viên trong nhóm đều được khuyến khích đưa ra ý tưởng mà không quan tâm tới tính khả thi, kích thích sinh viên tư duy linh hoạt và có khả năng mở rộng kỹ năng phát hiện vấn đề cũng như giải quyết vấn đề. Tập kích não được sử dụng trong các khóa học để kích thích sự phát triển tư duy sáng tạo, tìm kiếm ý tưởng và giải pháp kinh doanh.</p>
		Nghiên cứu điển hình	<p>Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phân biện và giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên thiết kế các nhiệm vụ dựa trên</p>

		TLM6	<p>các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu. Chương trình đào tạo Quản trị Kinh doanh sử dụng nhiều các tình huống từ những tập đoàn, doanh nghiệp trên toàn thế giới, tạo điều kiện cho người học tiếp cận với thực tiễn hoạt động quản trị.</p>
Chiến lược dựa trên nghệ thuật		TLM7	<p>Nhập vai</p> <p>Nhập vai là một quá trình trong đó người ta khám phá suy nghĩ và cảm xúc của người khác bằng cách phản ứng và hành xử như người đó trong tình huống giả lập. Nó có thể liên quan đến các cặp, nhóm hoặc cả lớp. Nhập vai được sử dụng để kiểm tra quan điểm của người khác và truyền đạt sự hiểu biết. Nó cho phép sinh viên áp dụng các kỹ năng cá nhân và nhóm để đánh giá kiến thức trước khi ra quyết định và giải quyết vấn đề bằng cách kiểm tra các tình huống trong bối cảnh xa lạ.</p>
		TLM18	<p>Biểu diễn</p> <p>Biểu diễn là một kỹ thuật để kể chuyện ở định dạng kịch tính. Story theater cung cấp nhiều trải nghiệm, như đọc vở kịch, đảm nhận vai trò, ghi nhớ các dòng, tạo trang phục và bộ, thực hành âm nhạc và vũ đạo, và biểu diễn trước khán giả. Biểu diễn phát triển các kỹ năng nhận thức thông qua việc tổ chức các suy nghĩ và phân tích các bộ phận và toàn bộ sản xuất, bao gồm cả diễn tập và biểu diễn. Nó cung cấp trải nghiệm hợp tác cho sinh viên khi họ làm việc với những người khác hướng tới một mục tiêu chung.</p>
Chiến lược dựa trên			<p>Trò chơi</p> <p>Trò chơi được xem là hoạt động hợp tác; các trò chơi có thể thúc đẩy sự hỗ trợ lẫn nhau</p>

hoạt động	TLM8		trong một nhóm và tăng sự tự tin. Vào cuối trò chơi, sinh viên sẽ báo cáo các kết quả đạt được thông qua thuyết trình
	TLM9	Thực tế	Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại nhà máy và các công ty để giúp sinh viên trải nghiệm được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp; cung cấp cơ hội khám phá và học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong tổ chức. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo Quản trị Kinh doanh của DBA đã phát triển phương pháp này từ rất sớm, trong quá trình học, sinh viên có cơ hội tham quan thực tế tại các doanh nghiệp ở đa dạng các lĩnh vực. trải nghiệm thực tiễn mà còn hỗ trợ họ tạo lập mạng lưới quan hệ xã hội với cộng đồng kinh doanh và doanh nghiệp.
	TLM10	Tranh luận	Là chiến lược dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm khác nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông..
	TLM19	Mô phỏng	Một mô hình hoặc tập hợp các tình huống tái tạo các điều kiện thực tế hoặc giả thuyết mà qua đó học sinh phản ứng và hành động như thể tình huống là có thật. Mô phỏng cho phép sinh viên khám phá các lựa chọn thay thế và giải quyết vấn đề cũng như kết hợp

			các giá trị và thái độ vào việc đưa ra quyết định và trải nghiệm kết quả.
Chiến lược hợp tác	TLM11	Thảo luận	Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của khái niệm hay vấn đề.
	TLM12	Thực hành nhóm	Học sinh được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài. Học sinh đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công việc nhóm kể từ năm đầu tiên. Sau đó, họ sẽ được thực hành phương pháp này trong rất nhiều khóa học ở các cấp độ khác nhau.
	TLM13	Câu hỏi gợi mở	Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.
	TLM20	Jigsaw	Chiến lược học tập hợp tác cung cấp cơ hội cho sinh viên đạt được nhiều quan điểm và hiểu biết khác nhau bằng cách tham gia vào một nhóm chuyên ngành và sau đó bằng cách chia sẻ và tích hợp những gì họ đã học được trong nhóm nhà của họ. Trò chơi ghép hình được sử dụng để giúp học sinh có được cái nhìn tổng quan về một loạt các tài liệu hoặc ý kiến.

Chiến lược học tập độc lập	TLM14	Dự án nghiên cứu / Nghiên cứu độc lập	<p>Phương pháp này phát triển khả năng của sinh viên trong việc lên kế hoạch, khám phá, tổ chức và giao tiếp đối với một chủ đề một cách độc lập và chi tiết, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó còn tăng cường động lực học tập và tích cực tham gia học tập bởi vì sinh viên được cho phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. FOM và TMU có hệ thống giáo trình và tài liệu tham khảo đa dạng, cập nhật, hỗ trợ tích cực cho việc tự học của sinh viên..</p>
	TLM16	Đánh giá bài tập	<p>Một công việc được hoàn thành bởi sinh viên bên ngoài lớp học và liên quan đến việc xem xét và thực hành học tập trên lớp. Nó được phân công để khuyến khích sinh viên chịu trách nhiệm về việc học tập của bản thân và tiếp thu các kỹ năng hoặc kiến thức cụ thể. Đánh giá bài tập cũng có thể khuyến khích sinh viên theo đuổi sở thích sâu sắc trong một chủ đề và tạo ra những suy nghĩ mới về chủ đề này.</p>
Ứng dụng dựa trên công nghệ /	TLM15	Phương pháp dựa trên công nghệ	Giáo viên và học sinh sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ quá trình dạy và học (E-learning, Edmodo, Facebook ...)
phương tiện truyền thông			

ASSESSMENT METHODS

Code	Phương pháp đánh giá	Mô tả
	Đánh giá	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên, cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản

AM1	chuyên cần	ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học
AM 2	Đánh giá bài tập	Học sinh được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi các cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể đã được công bố trước cho sinh viên.
AM 3	Đánh giá thuyết trình nhóm	Thuyết trình bằng miệng được sử dụng phổ biến trong chương trình giảng dạy Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Học sinh được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, tình huống hoặc bài tập liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động này không chỉ giúp sinh viên có được kiến thức chuyên ngành mà còn giúp họ phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm. Để đánh giá thành tích của các sinh viên về các kỹ năng này, tất cả các khóa học đều được xây dựng các tiêu chí đánh giá tương ứng hoặc tiêu chí đánh giá phù hợp với ELOs; và các công cụ đánh giá này được công bố trước cho sinh viên.
AM 4	Đánh giá hoạt động	Người học được yêu cầu thực hiện một số thao tác, kỹ thuật cụ thể theo yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của môn học.
AM 5	Viết nhật kí thực tập	Người học viết nhật ký trong suốt khoảng thời gian thực tập để phản ánh công việc thực hiện và rút kinh nghiệm trong trải nghiệm học tập. Đây là hình thức được Chương trình đào tạo Logistics và quản lý chuỗi cung ứng sử dụng trong đánh giá thực tập của sinh viên tại doanh nghiệp.
	Kiểm tra viết	Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

AM 7	Kiểm tra trắc nghiệm	<p>Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, trong đó học sinh được yêu cầu trả lời các câu hỏi có liên quan dựa trên các câu hỏi được đưa ra. Một điểm khác là trong phương pháp đánh giá này, học sinh trả lời các câu hỏi được hỏi dựa trên các câu trả lời được đề xuất cũng được thiết kế và in trong bài kiểm tra.</p>
AM 8	Bảo vệ và thi vấn đáp	<p>Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.</p>
AM 9	Báo cáo	<p>Học sinh được đánh giá thông qua các sản phẩm báo cáo của học sinh, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, hình vẽ / hình ảnh trong báo cáo.</p>
AM 10	Đánh giá làm việc nhóm	<p>Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Bảng đánh giá và tiêu chí đánh giá được phổ biến trong các giáo trình môn học</p>
AM11	Khóa luận tốt nghiệp	<p>Chương trình thực tập của BA được thiết kế theo 2 hình thức: khóa luận và kiến tập. Với hình thức khóa luận tốt nghiệp, sinh viên nộp báo cáo và thuyết trình trước hội đồng từ 3-5 thành viên trong đó có 1 giáo viên phản biện. Hội đồng sẽ cho điểm theo phiếu đánh giá quy định.</p> <p>Với hình thức kiến tập, sinh viên nộp báo cáo và thuyết trình trước giáo viên phản biện. Báo cáo thực tập của sinh viên sẽ được chấm độc lập bởi 1 giáo viên hướng dẫn và 1 giáo viên bản biện. Sinh viên còn nhận được đánh giá của đại diện doanh nghiệp cho quá trình thực tập tại đơn vị.</p>
AM12	Game mô phỏng	<p>Trò chơi mô phỏng đưa sinh viên vào một môi trường cạnh tranh năng động. Sinh viên sẽ chịu trách nhiệm đưa ra tất cả các quyết định cần thiết để quản lý hiệu quả sự tăng trưởng và lợi nhuận của công ty dựa trên vị thế cạnh tranh hiện tại của công ty trên nền tảng kinh doanh ảo. Cũng giống như trong thị trường kinh</p>

	<p>doanh, 5 sinh viên của mỗi lớp được tập hợp thành một nhóm có thể được coi là một doanh nghiệp, mỗi sinh viên trong nhóm là thành viên hội đồng quản trị - sẽ cạnh tranh với một hoặc nhiều công ty khác trên thị trường (khác nhóm trong lớp) thông qua thủ tục và bán hàng trong thị trường điện tử tiêu dùng.</p> <p>Khi bắt đầu cạnh tranh trong môi trường này, mỗi doanh nghiệp sẽ phải gửi quyết định kinh doanh cho giáo viên thông qua một nền tảng kinh doanh ảo do giảng viên cung cấp. Giảng viên sẽ hoàn toàn giữ bí mật về quyết định kinh doanh. Máy tính sẽ phân tích tất cả các quyết định của các công ty trên thị trường và tính toán kết quả.</p> <p>Sau khi nhận được kết quả của giai đoạn kinh doanh cũng như trước khi đưa ra quyết định trong giai đoạn tới, sinh viên sẽ được yêu cầu nộp báo cáo thu nhập dự tính, bảng cân đối, dòng tiền dự tính và báo cáo chiến lược hoặc kế hoạch trong quản trị kinh doanh nói chung.</p> <p>Sau 6 giai đoạn kinh doanh, hiệu suất của công ty trong cạnh tranh sẽ được các máy tính và giảng viên đánh giá là đại diện của Hội đồng quản trị. Có nhiều yếu tố giúp nhóm chiến thắng trong cạnh tranh: tiền họ kiếm được so với đối thủ, mức độ mục tiêu đạt được, triển vọng của công ty, khả năng linh hoạt để thay đổi và phản ứng trong môi trường cạnh tranh, thị phần mà doanh nghiệp tuyên bố để có trong một thị trường cụ thể hơn 6 kỳ.</p>
--	--

3. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	Kỳ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03 TC
		Tổng cộng	12-13 TC
2	Kỳ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	15-16 TC
3	KỲ HÈ NĂM NHẤT	Giáo dục quốc phòng - an ninh	08 TC
4	Kỳ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	16-17 TC

5	Kỳ IV	Khôi kiến thức GDĐC	6-8 TC
		Khôi kiến thức cơ sở ngành	3-6 TC
		Khôi kiến thức ngành, chuyên ngành	3-6 TC
		Tổng cộng	15-17 TC
6	Kỳ V	Khôi kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khôi kiến thức ngành, chuyên ngành	12-15 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	15-17 TC
7	Kỳ VI	Khôi kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khôi kiến thức ngành, chuyên ngành	5-6 TC
		Khôi kiến thức bổ trợ	09 TC
		Tổng cộng	16-17 TC
8	Kỳ VII	Khôi kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khôi kiến thức bổ trợ	093 TC
		Tổng cộng	16-18 TC
9	Kỳ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm khoá luận tốt nghiệp	10 TC
10	TỔNG CỘNG		131 TC

T/M Trưởng khoa
(ký tên, đóng dấu)

